Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 34

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015. Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm*
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61343540/22074733-SX-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Saman Wijesena Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

B01a-CTQ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**498.974.615.848**	**445.878.071.694**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***53.054.875.778***	***4.928.779.888***
111	1. Tiền		53.054.875.778	2.928.779.888
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000.000
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***		***422.832.779.377***	***416.060.672.146***
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	422.832.779.377	416.060.672.146
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***23.009.065.611***	***14.821.775.298***
132	1. Trả trước cho người bán		31.927.500	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	2.038.560.723	9.587.841.629
135	3. Các khoản phải thu khác	6.2	20.938.577.388	5.233.933.669
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***77.895.082***	***10.066.844.362***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	56.244.727	38.055.531
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		21.650.355	28.788.831
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	-	10.000.000.000
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**278.372.143.523**	**573.041.142**
250	***I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***		***277.824.443.214***	***-***
258	1. Đầu tư dài hạn khác	7	277.824.443.214	-
260	***II. Tài sản dài hạn khác***		***547.700.309***	***573.041.142***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	394.722.955	476.085.447
268	2. Tài sản dài hạn khác	10	152.977.354	96.955.695
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**777.346.759.371**	**446.451.112.836**
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**602.474.838.816**	**293.898.052.616**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***602.474.838.816***	***293.898.052.616***
311	1. Vay ngắn hạn	11	391.420.000.000	279.210.000.000
312	2. Phải trả người bán		48.000.000	96.847.467
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	9.950.338.864	2.730.335.943
315	4. Phải trả người lao động		5.004.472.600	2.472.186.151
316	5. Chi phí phải trả		100.100.000	70.000.000
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	195.323.533.048	8.943.595.976
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		628.394.304	375.087.079
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**174.871.920.555**	**152.553.060.220**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.1	125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính	14.2	1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.2	1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	14.2	29.570.266.797	8.466.435.508
	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	15	16.789.871.136	15.574.842.090
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**777.346.759.371**	**446.451.112.836**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
006	**1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ**		**22.400.000.000**	**40.000.000.000**
007	- Chứng khoán giao dịch		22.400.000.000	40.000.000.000
030	**2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**		**172.618.485.075**	**98.650.782.848**
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	24	172.618.485.075	98.650.782.848
040	**3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**		**1.542.375.762.286**	**808.018.676.664**
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	25	1.542.375.762.286	808.018.676.664
050	**4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**	**26**	**35.202.163.287**	**8.369.687.660**
051	**5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**	**27**	**7.818.814.940**	**7.782.284.565**

Bà Phạm Uyên Vy	Bà Nguyễn Thị Anh Tú	Ông Trần Vinh Quang
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 B02a-CTQ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
01	**1. Doanh thu**		**14.578.700.837**	**3.174.968.160**
10	**2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**	**16**	**14.578.700.837**	**3.174.968.160**
11	**3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**	**17**	**(9.053.125.789)**	**(2.353.389.433)**
20	**4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**5.525.575.048**	**821.578.727**
21	**5. Doanh thu hoạt động tài chính**	**18**	**41.983.792.553**	**152.753.650**
22	**6. Chi phí tài chính**	**19**	**(9.405.386.798)**	**(168.000.000)**
25	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**20**	**(2.001.271.353)**	**(663.526.440)**
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**36.102.709.450**	**142.805.937**
32	**9. Chi phí khác**		**(60.000.000)**	**-**
50	**10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**36.042.709.450**	**142.805.937**
51	**11. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**21.2**	**(7.220.541.890)**	**(28.561.188)**
60	**12. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**28.822.167.560**	**114.244.749**
	Trong đó:			
	- *Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ*		*27.607.138.514*	*114.244.749*
	- *Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát*		*1.215.029.046*	*-*
70	**13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**22**	**2.209**	**46**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Bà Phạm Uyên Vy	Bà Nguyễn Thị Anh Tú	Ông Trần Vinh Quang
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B03a-CTQ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**36.042.709.450**	**142.805.937**
	Điều chỉnh:			
03	1. Các khoản dự phòng		-	168.000.000
05	2. Lãi từ hoạt động đầu tư		(41.983.792.553)	(152.753.650)
06	3. Chi phí lãi vay		8.982.651.196	-
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động**		**3.041.568.093**	**158.052.287**
09	1. Tăng các khoản phải thu		2.430.095.097	22.184.049
11	2. Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		188.116.221.440	(1.992.688.377)
12	3. (Tăng)/giảm chi phí trả trước		7.151.637	50.167.850
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(5.488.384.755)	-
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(2.717.550.796)	(677.841.492)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**185.389.100.716**	**(2.440.125.683)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(290.210.550.445)	-
24	2. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		9.536.630.228	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.626.000.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.001.085.800	
27	5. Lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia		9.075.829.591	152.950.910
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư**		**(243.223.004.826)**	**152.950.910**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay nhận được		682.853.500.000	-
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(570.643.500.000)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.250.000.000)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**105.960.000.000**	**-**

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**48.126.095.890**	**(2.287.174.773)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**4**	**4.928.779.888**	**9.323.948.810**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**53.054.875.778**	**7.036.774.037**

Bà Phạm Uyên Vy	Bà Nguyễn Thị Anh Tú	Ông Trần Vinh Quang
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
				Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021			
		Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.2	25.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	14.2	1.502.584.086	1.755.891.311	-	-	-	-	1.502.584.086	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.2	1.502.584.086	1.755.891.311	-	-	-	-	1.502.584.086	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	14.2	6.251.259.084	8.466.435.508	114.244.749	(3.980.650.040)	27.607.138.514	(6.503.307.225)	2.384.853.793	29.570.266.797
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	15	-	15.574.842.090	-	-	1.215.029.046	-	-	16.789.871.136
TỔNG CỘNG		**34.256.427.256**	**152.553.060.220**	**114.244.749**	**(3.980.650.040)**	**28.822.167.560**	**(6.503.307.225)**	**30.390.021.965**	**174.871.920.555**

Trong kỳ, Công ty trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi cho nhân viên với số tiền là 253.307.225 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021. Ngoài ra, trong kỳ Công ty đã trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021.

Bà Phạm Uyên Vy	Bà Nguyễn Thị Anh Tú	Ông Trần Vinh Quang
Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 5 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty có công ty con là Công ty cổ phần Finsight với tỷ lệ sở hữu là 84,73% (tương đương 84.800.000.000 đồng vốn góp).

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 03, TP.HCM, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 16 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.5 *Cơ sở hợp nhất* (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2.6 *Thông tin so sánh*

Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là kỳ kế toán đầu tiên Nhóm Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 là số liệu Công ty mẹ, không so sánh được với kỳ hiện hành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán nợ nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích mua để hưởng lãi và có ý định nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua. Phụ trội và chiết khấu (nếu có) của các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chứng khoán khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") do Bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên khoản mục *"Chi phí tài chính"*.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.5 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Lợi ích của nhân viên*

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Nhóm Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Nhóm Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.7 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.8 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán sáu tháng mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.9 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	*Mức trích lập tối đa*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.10 *Công cụ tài chính*

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Công cụ tài chính*

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.11 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Tiền mặt bằng VND	59.018.915	69.264.983
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	52.995.856.863	2.859.514.905
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*1.951.170.900*	*1.912.590.099*
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*1.608.881.747*	*210.360.127*
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	*13.322.234*	*13.309.029*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	*49.176.636.704*	*31.146.365*
- Tại các NHTM khác	*245.845.278*	*692.109.285*
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng bằng VND	-	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	*2.000.000.000*
	53.054.875.778	**4.928.779.888**

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Chứng khoán kinh doanh		
Chứng chỉ Quỹ niêm yết		
- Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM	-	*24.240.000.000*
- Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	*24.786.000.000*	*16.160.000.000*
Cổ phiếu chưa niêm yết		
- Công ty Cổ Phần Xếp Hạng Tín Nhiệm Thiên Minh	*1.072.850.000*	*1.072.850.000*
Trái phiếu chưa niêm yết	209.857.688.969	251.987.822.146
Chứng chỉ tiền gửi	62.346.721.724	3.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu chưa niêm yết	5.026.518.684	-
Hợp đồng tiền gửi	119.743.000.000	119.000.000.000
	422.832.779.377	**416.060.672.146**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 *Phải thu hoạt động nghiệp vụ*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư khác	1.581.669.477	235.237.523
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	260.570.466	260.570.466
Phí quản lý danh mục đầu tư	196.320.780	-
- Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	*196.320.780*	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư TVS	-	9.056.129.640
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	-	35.904.000
	2.038.560.723	**9.587.841.629**

6.2 *Các khoản phải thu khác*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	15.821.644.603	5.211.397.669
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh từ Momo	5.116.932.785	-
Khác	-	22.536.000
	20.938.577.388	**5.233.933.669**

7. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Trái phiếu chưa niêm yết	277.824.443.214	-
	277.824.443.214	**-**

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Chứng khoán An Bình để mua chứng chỉ tiền gửi.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Chi phí trả trước ngắn hạn	56.244.727	38.055.531
- Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	*19.800.000*	*19.800.000*
- Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	*26.901.000*	-
- Khác	*9.543.727*	*18.255.531*
Chi phí trả trước dài hạn	394.722.955	476.085.447
- Công cụ, dụng cụ	*260.631.015*	*211.078.105*
- Chi phí sửa chữa văn phòng	*97.398.383*	*196.939.665*
- Khác	*36.693.557*	*68.067.677*
	450.967.682	**514.140.978**

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Đặt cọc phí taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	61.898.200	61.898.200
Đặt cọc phí lưu ký	76.079.154	20.057.495
	152.977.354	**96.955.695**

11. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	*Số tăng trong kỳ VND*	*Số giảm trong kỳ VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND*
Vay ngân hàng	**269.000.000.000**	**259.591.500.000**	**278.641.500.000**	**249.950.000.000**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	200.000.000.000	159.950.000.000	160.000.000.000	199.950.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000.000.000	99.641.500.000	99.641.500.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Vay cá nhân	**10.210.000.000**	**423.262.000.000**	**292.002.000.000**	**141.470.000.000**
	279.210.000.000	**682.853.500.000**	**570.643.500.000**	**391.420.000.000**

Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 5 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 4,55%/năm đến 5,60%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu của Nhóm Công ty với tổng số tiền là 269.000.000.000 VND. Các khoản vay cá nhân ngắn hạn có lãi suất từ 6,32%/năm đến 7,00%/năm.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND	*Số phải nộp trong kỳ VND*	*Số đã nộp trong kỳ VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.298.446.458	7.220.541.890	(2.717.550.796)	5.801.437.552
Thuế thu nhập cá nhân	1.428.625.485	5.714.948.001	(2.994.672.174)	4.148.901.312
Thuế GTGT đầu ra	3.264.000	-	(3.264.000)	-
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	2.730.335.943	**12.938.489.891**	**(5.718.486.970)**	**9.950.338.864**

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Phải trả hợp tác đầu tư	145.366.460.104	8.648.599.879
Phải trả hoạt động đầu tư khác	47.509.709.500	-
Lãi phải trả trong hoạt động đi vay và hợp tác đầu tư	2.423.528.765	234.996.097
Phải trả khác	23.834.679	60.000.000
	195.323.533.048	**8.943.595.976**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn góp cuối kỳ VND	*Tỷ lệ sở hữu %*	*Vốn góp đầu kỳ VND*	*Tỷ lệ sở hữu %*
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	124.800.000.000	99,84
Trần Vinh Quang	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
	125.000.000.000	**100,00**	**125.000.000.000**	**100,00**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ*

Chỉ tiêu	*Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND*	*Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND*	*Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND*	*Lợi nhuận đã thực hiện VND*	*Lợi ích của cổ đông thiểu số VND*	*Tổng cộng VND*
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	8.466.435.508	15.574.842.090	152.553.060.220
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	27.607.138.514	1.215.029.046	28.822.167.560
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ trước	-	-	-	(253.307.225)	-	(253.307.225)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(6.250.000.000)	-	(6.250.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	**125.000.000.000**	**1.755.891.311**	**1.755.891.311**	**29.570.266.797**	**16.789.871.136**	**174.871.920.555**

Trong kỳ, Công ty trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi cho nhân viên với số tiền là 253.307.225 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021. Ngoài ra, trong kỳ Công ty đã trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2004/2021/NQ-HĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021.

15. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND*
Số đầu kỳ	15.574.842.090	-
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	1.215.029.046	-
Số cuối kỳ	**16.789.871.136**	**-**

16. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND*
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	8.238.639.411	717.259.125
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	2.643.989.307	1.770.917.910
Phí quản lý danh mục đầu tư Công ty Finhay	1.945.909.179	18.225.121
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	1.188.577.825	668.566.004
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán cho Công ty Finhay	456.585.115	-
Phí quản lý danh mục khác	105.000.000	-
	14.578.700.837	**3.174.968.160**

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND*
Chi phí nhân viên	7.829.752.567	1.592.868.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.723.333	139.234.332
Chi phí thuê văn phòng	294.270.291	298.113.588
Chi phí đồ dùng văn phòng	175.862.468	151.710.425
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	175.517.130	168.462.117
	9.053.125.789	**2.353.389.433**

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND*
Lãi từ thanh lý đóng Quỹ Đầu tư tăng trưởng TVAM	12.761.085.800	-
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	9.536.630.228	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.680.000.000	-
Lãi trái phiếu đầu tư	6.220.893.014	-
Lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	4.785.183.511	152.753.650
	41.983.792.553	**152.753.650**

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND*
Lãi vay ngân hàng	6.318.661.469	-
Lãi vay cá nhân	1.609.590.135	-
Lãi vay hợp tác đầu tư	1.054.399.592	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	168.000.000
Khác	422.735.602	-
	9.405.386.798	**168.000.000**

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND*
Chi phí nhân viên quản lý	1.305.867.519	553.202.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.370.635	15.256.309
Chi phí đồ dùng văn phòng	120.420.601	3.450.000
Thuế, phí và lệ phí	5.456.960	4.043.455
Chi phí khác	220.155.638	87.574.198
	2.001.271.353	**663.526.440**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm. (2020: 20%)

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

21.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020* VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	**36.042.709.450**	**142.805.937**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	7.208.541.890	28.561.188
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- *Chi phí không được khấu trừ*	*12.000.000*	-
Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính	**7.220.541.890**	**28.561.188**

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Nhóm Công ty:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020* VND
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty *(VND)*	27.607.138.514	114.244.749
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**27.607.138.514**	**114.244.749**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	12.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	2.209	46

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021* VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020* VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Thu nhập phí quản lý danh mục đầu tư	2.643.989.307	1.770.917.910
		Tăng tiền gửi ủy thác	907.232.767.531	328.664.264.748
		Giảm tiền gửi ủy thác	(832.722.174.933)	(310.606.120.383)
		Chi trả cổ tức	(6.240.000.000)	(3.720.000.000)
		Phí lưu ký	(18.416.580)	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	8.238.639.411	717.259.125
		Cổ tức được chia	4.800.000.000	-
		Thu nhập từ giải thể Quỹ TVGF	12.761.085.800	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Biên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.188.577.825	668.566.004
		Cổ tức được chia	3.880.000.000	-
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	666.600.000	453.744.000
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Cho vay	305.422.000.000	-
		Chi phí lãi vay	746.966.552	-
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Cho vay	108.240.000.000	-
		Chi phí lãi vay	719.945.206	-

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp tục)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, số dư các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	-	24.240.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	24.786.000.000	16.160.000.000
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	196.320.780	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý	-	9.056.129.640
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vay ngắn hạn	(82.890.000.000)	(9.910.000.000)
		Lãi vay phải trả	(520.811.507)	(50.289.608)
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vốn góp tại Finsight	140.000.000	140.000.000
		Vay ngắn hạn	(48.980.000.000)	-
		Lãi vay phải trả	(338.163.288)	-

24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Số đầu năm	98.650.782.848	10.159.902.758
Tăng trong năm	927.232.767.531	2.387.666.976.170
Giảm trong năm	(853.265.065.304)	(2.299.176.096.080)
Số cuối năm	**172.618.485.075**	**98.650.782.848**

25. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	**279.131.393.025**	**355.522.753.045**
Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:		
VNM	32.933.143.571	-
NVL	-	14.005.000.000
VJC	933.800	933.800
DMC	428.400	428.400
CTD	339.000	339.000
POW	9.692.940.000	-
Chứng chỉ quỹ	**373.241.230.366**	**159.589.135.873**
Trái phiếu chưa niêm yết	**840.003.138.895**	**292.906.787.746**
Chứng chỉ tiền gửi	**50.000.000.000**	**-**
	1.542.375.762.286	**808.018.676.664**

26. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Phải thu lãi tiền gửi	23.784.493.287	-
Phải thu cổ tức	450.000.000	1.462.147.190
Phải thu bán chứng khoán	7.317.670.000	3.199.871.600
Đặt cọc mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	3.650.000.000	3.707.668.870
	35.202.163.287	**8.369.687.660**

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Phải trả tiền mua chứng khoán	5.604.265.000	7.692.000.000
Phải trả phí khác	2.214.549.940	90.284.565
	7.818.814.940	**7.782.284.565**

28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Dưới 1 năm	1.272.950.700	1.272.950.700
Từ 1 đến 5 năm	312.212.382	936.637.147
	1.585.163.082	**2.209.587.847**

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

29.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 vì các khoản tiền gửi của Nhóm Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

29.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	*Dưới 3 tháng* VND	*Từ 3 tháng đến dưới 1 năm* VND	*Từ 1 năm đến 5 năm* VND	*Tổng cộng* VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2021					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.054.875.778	-	-	-	53.054.875.778
Đầu tư ngắn hạn	422.832.779.377	-	-	-	422.832.779.377
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	2.038.560.723	-	-	2.038.560.723
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	20.970.504.888	-	-	20.970.504.888
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	277.824.443.214	277.824.443.214
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	-	152.977.354	152.977.354
	475.887.655.155	**23.009.065.611**	**-**	**277.977.420.568**	**776.874.141.334**
Nợ phải trả tài chính					
Vay ngắn hạn	-	-	391.420.000.000	-	391.420.000.000
Chi phí phải trả	-	100.100.000	-	-	100.100.000
	-	**100.100.000**	**391.420.000.000**	**-**	**391.520.100.000**
Ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.928.779.888	2.000.000.000	-	-	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	416.060.672.146	-	-	-	416.060.672.146
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	9.587.841.629	-	-	9.587.841.629
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	15.233.933.669	-	-	15.233.933.669
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	-	96.955.695	96.955.695
	418.989.452.034	**26.821.775.298**	**-**	**96.955.695**	**445.908.183.027**
Nợ phải trả tài chính					
Vay ngắn hạn	-	-	279.210.000.000	-	279.210.000.000
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	-	70.000.000
	-	**70.000.000**	**279.210.000.000**	**-**	**279.280.000.000**

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty:

	Giá trị ghi sổ		*Giá trị hợp lý*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND*
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.054.875.778	4.928.779.888	53.054.875.778	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	422.832.779.377	416.060.672.146	424.926.779.377	428.380.672.146
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	2.038.560.723	9.587.841.629	2.038.560.723	9.587.841.629
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	20.970.504.888	15.317.714.524	20.970.504.888	15.317.714.524
Đầu tư dài hạn khác	277.824.443.214	-	277.824.443.214	-
Tài sản tài chính dài hạn khác	152.977.354	96.955.695	152.977.354	96.955.695
	776.874.141.334	**445.991.963.882**	**778.968.141.334**	**458.311.963.882**
Nợ phải trả tài chính				
Vay ngắn hạn	391.420.000.000	279.210.000.000	391.420.000.000	279.210.000.000
Chi phí phải trả	100.100.000	70.000.000	100.100.000	70.000.000
	391.520.100.000	**279.280.000.000**	**391.520.100.000**	**279.280.000.000**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn niêm yết lấy theo giá đóng cửa của chứng khoán niêm yết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là ngày giao dịch cuối cùng trong năm. Đối với giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn khác vào tổ chức khác và các chứng khoán nợ chưa niêm yết lấy theo giá ghi sổ.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Bà Phạm Uyên Vy Người lập	Bà Nguyễn Thị Anh Tú Kế toán Trưởng	Ông Trần Vinh Quang Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021